

SỰ BIẾN ĐỔI TÍN NGƯỠNG THỜ NHÂN VẬT LỊCH SỬ, TRƯỜNG HỢP HAI BÀ TRUNG

NGUYỄN CHÍ BÊN*

PHẠM LAN OANH**

Là một bộ phận của văn hóa dân gian, cũng như các thành tố khác, đương nhiên tín ngưỡng sẽ có sự biến đổi trong thời gian và trong không gian. Trong xã hội truyền thống, các tín ngưỡng đều phát triển giữa hai lực tác động: thái độ của các vương triều thế tục và khát vọng, niềm tin của dân chúng. Quá trình biến đổi của tín ngưỡng thờ nhân vật lịch sử chịu sự tác động của hai lực ấy. Với con người mỗi thời đại, việc thờ cúng các nhân vật lịch sử luôn đặt ra nhiều ý nghĩa.

Trước tiên, việc thờ cúng nhân vật lịch sử chính là ý thức của nhân dân, của nhà nước về lịch sử. Thông qua việc thờ cúng các nhân vật lịch sử, con người của mỗi thời đại sẽ giáo dục cho người đương thời và thế hệ tương lai sự kính trọng, tự hào về nhân vật lịch sử để trên cơ sở ấy mà viết tiếp lịch sử của tương lai. Mặt khác, mỗi thời đại, mỗi thế hệ sẽ có cách nhìn khác nhau với lịch sử, và

như vậy, dấu ấn trong tâm thức con người về nhân vật lịch sử qua các thời đại sẽ có sự khác biệt. Đồng thời, tín ngưỡng về nhân vật lịch sử là thanh nam châm thu hút những sinh hoạt văn hóa thành một lễ hội. Sự thay đổi trong cách nhìn với nhân vật lịch sử sẽ tạo cho lễ hội về nhân vật lịch sử có sự biến đổi.

Trong bài viết này chúng tôi muốn đề cập tới sự biến đổi đó qua trường hợp Hai Bà Trưng.

1. Hai Bà Trưng là các nhân vật lịch sử có nhiều nét riêng biệt

Lịch sử đã ghi chép về Hai Bà Trưng như những nhân vật lịch sử đặc biệt. Thứ nhất, cuộc khởi nghĩa vào mùa xuân năm 40 là cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong lịch sử Việt Nam do hai phụ nữ lãnh đạo. Thứ hai, cuộc khởi nghĩa này không là một cuộc khởi nghĩa đơn lẻ mà là sự khơi dậy ý thức chống Hán hóa của cả một cộng đồng tộc người và “các

* PGS.TS. Nguyễn Chí Bên, Viện Văn hóa - Thông tin (Bộ Văn hóa Thông tin).

** ThS. Phạm Lan Oanh, Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật (Bộ Văn hóa Thông tin).

cuộc khởi nghĩa địa phương được thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn của quần chúng ở khắp nơi... Đặc biệt, trong hàng tướng lĩnh nghĩa quân có rất nhiều phụ nữ⁽¹⁾. Thứ ba, là cuộc khởi nghĩa khi mà người Việt bước vào một thiên niên kỷ mới, mà lại là cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Trưng Trắc là người phụ nữ đầu tiên xưng vương trong lịch sử Việt Nam. Thứ tư, “Sau gần một năm trời anh dũng chống địch, cuối cùng, vì sức yếu, quân ta tan vỡ. Hai Bà Trưng về Hát Môn rồi gieo mình xuống dòng Hát Giang tự tận (tháng 5 năm 43)”⁽²⁾. Cái chết anh dũng của Hai Bà tạo ra niềm tiếc thương vô hạn cho người dân các thế hệ. Như thế, trong cái nhìn của các nhà sử học cũng như người dân các thế hệ: Hai Bà Trưng là những nhân vật lịch sử rất đặc biệt.

2. Hai Bà Trưng được thờ phụng như các nhân vật lịch sử

Thờ cúng các nhân vật lịch sử, là nét đặc biệt trong tâm thức người Việt, người Việt Nam. Có lẽ, do vị thế địa - chính trị và những điều kiện lịch sử - xã hội mà người Việt Nam có tâm lý này chăng? Việt Nam là quốc gia có nhiều nhân vật lịch sử, một số các nhân vật lịch sử được người dân các thế hệ phụng thờ, trở thành nhân vật của tín ngưỡng. Hai Bà Trưng là những nhân vật như vậy. Không kể 04 nơi thờ Hai Bà: làng Hạ Lôi (xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc), làng Hát Môn (xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây), làng Đồng Nhân (nay là phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội), làng Phụng Công (xã Phụng

Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Nhiều làng xã khác thờ vọng Hai Bà và thờ các tướng lĩnh của Hai Bà. Theo thống kê chưa đầy đủ, nhiều tướng lĩnh của Hai Bà Trưng được thờ làm thành hoàng, phúc thần ở một số tỉnh như: Tỉnh Hà Tây: 67 địa điểm; Tỉnh Hải Dương: 10 địa điểm; Tỉnh Hưng Yên: 7 địa điểm; Thành phố Hà Nội: 19 địa điểm; Thành phố Hải Phòng: 01 địa điểm; Tỉnh Thái Bình: 02 địa điểm⁽³⁾. Sự phụng thờ ấy là sự phụng thờ những nhân vật lịch sử, đúng như nhận xét của một nhà nghiên cứu tín ngưỡng người Việt: “một nhân vật lịch sử Việt trở thành nhân thần cho người dân thờ cúng. Đúng hơn đó là hai nhân vật lịch sử: Hai Bà Trưng.

Trong niềm tôn trọng những người cứu nước, về sau, và tiếp nối mãi tới bây giờ người ta vẫn giữ ý tưởng cho rằng Hai Bà sau khi thất trận thì “hóa” hay nhảy xuống sông Hát tự tử⁽⁴⁾. So với nhiều nhân vật trung tâm của các lễ hội khác, nhân vật phụng thờ của các lễ hội gắn với Hai Bà Trưng hay các tướng lĩnh của Hai Bà là những nhân vật lịch sử. Trong kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam, không phải không có những lễ hội gắn với những nhân vật huyền thoại. Ở các lễ hội thờ Hai Bà cùng các tướng lĩnh của Hai Bà, đó là những nhân vật lịch sử. Điều này sẽ chi phối huyền thoại và di tích ở những địa điểm thờ phụng Hai Bà. Ở Hát Môn, truyền thuyết vẫn khẳng định rằng Hai Bà không bị quân Mã Viện bắt, không tự vẫn ở sông Hát mà hy sinh nơi chiến trường, vì vậy, máu thấm đỏ sông nước, nên mọi đồ thờ trong di tích không được

sơn màu đỏ mà phải sơn màu đen. Tất cả các lá cờ thờ tại Hát Môn cũng có diêm là màu đen hoặc màu trắng viền đen, riêng lá cờ đại, bắt buộc màu trung tâm phải là màu đỏ, vì tượng trưng cho Hai Bà. Ở Hạ Lôi, do quan niệm dân gian đây là kinh đô của Hai Bà nên đồ thờ trong di tích rất rực rỡ, màu vàng tượng trưng cho hoàng đế, màu đỏ tượng trưng cho chiến thắng là những màu chủ đạo. Tại đền Đồng Nhân cũng như vậy, đồ thờ nghiêng về màu đỏ và vàng. Riêng làng Phụng Công, do truyền thuyết cho rằng, nơi đây nghĩa quân đã dừng chân trên đường đánh giặc, nên đồ tế lễ như oản xôi làm rất to, ngâm hiểu như lương thảo phục vụ nghĩa quân trên đường đánh giặc. Như vậy, chính cảm hứng về nhân vật lịch sử đã chi phối huyền thoại cũng như điện thần của di tích và lễ hội.

Về phía các vương triều quân chủ, phải thừa nhận một thực tế là, việc thờ phụng Hai Bà được các vương triều rất quan tâm. Hành động dễ xuất hiện là phong sắc cho Hai Bà. Nhà Lý phong sắc cho Hai Bà là Trinh Linh phu nhân, năm Trùng Hưng thứ 4, phong thêm cho bà Trưng Trắc là Chế Thắng phu nhân, năm Hưng Long thứ 21 tặng thêm cho bà Trưng Trắc là Thuận Trinh, cho bà Trưng Nhị là Bảo Thuận. Nhà Trần gia phong là Hiển liệt chế thắng thuận bảo thuận. Ở làng Hạ Lôi, theo bản khai của hương chức, từ thời vua Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 44 (1784) đến thời Nguyễn Khải Định năm thứ 9 (1924), tổng cộng có 9 đời vua có sắc phong cho Hai Bà: mỗi người có 6 đạo sắc phong

riêng, 4 đạo sắc phong chung; Thi Sách có 7 đạo sắc phong. Ở làng Hát Môn, cũng trong khoảng thời gian ấy có 22 đạo sắc phong cho Hai Bà⁽⁶⁾. Việc phong sắc của các vương triều quân chủ cho Hai Bà là thái độ với nhân vật lịch sử, làm đậm thêm ý thức về lịch sử cho người dân. Bởi từ sắc phong, thông qua các nhà nho, nhân vật thực hành văn hóa ở các làng quê, hình ảnh của nhân vật lịch sử càng thêm đậm nét trong tâm thức người dân trong làng.

3. Sự biến đổi của tín ngưỡng thờ Hai Bà Trưng

Trước hết, ở các địa điểm thờ Hai Bà Trưng, không chỉ có Hai Bà được thờ phụng mà còn nhiều nhân vật khác. Ở Hát Môn, ngoài Hai Bà Trưng còn có bà hàng bánh trôi, mà người dân thờ trong một miếu gọi là miếu thờ Tiên cô thần nữ, còn có Bạch Thạch đại vương, có Thủy Cung Ngọc Tịnh được phụng thờ. Ở Hạ Lôi, ngoài Hai Bà Trưng còn có ông thánh Cốt Tung được phụng thờ, đó là vị tướng ra trận đánh giặc thời Hùng Vương, hy sinh anh dũng nơi đầu làng Hạ Lôi mà dấu vết còn lại là một tảng đá to in hằn 5 vết ngón tay lớn như 5 quả chuối. Chưa kể, ở cả hai làng trên, người dân còn thờ thành hoàng làng, chẳng hạn thành hoàng làng của làng Hạ Lôi là bốn ông Đô, Hồ, Bạch, Hạc. Ở làng Phụng Công, còn có Đại liệu đại vương (tức bó đóm cháy sáng) được phụng thờ. Như vậy, việc phối thờ các nhân vật khác sẽ tác động đến việc phụng thờ Hai Bà Trưng ở các di tích này.

Ở các địa điểm Hạ Lôi, Hát Môn, Đông Nhân, Phụng Công, tín ngưỡng thờ nhân vật lịch sử được đan xen với tín ngưỡng cầu mưa của cư dân nông nghiệp. Nét chung của cả bốn địa điểm thờ Hai Bà Trưng nói trên trước đây (ngoại trừ trường hợp Đông Nhân đã có sự thay đổi hiện nay), cư dân đều sống bằng nghề trồng lúa nước. Vì vậy, khó có thể khẳng định tín ngưỡng cầu mưa xuất hiện trước, hay sự phụng thờ Hai Bà Trưng xuất hiện trước. Trên lát cắt đương đại, sự đan xen giữa hai tín ngưỡng khá chặt chẽ. Không phải đến bây giờ mới xuất hiện hiện tượng này mà ngay từ thế kỷ XIII-XIV, tác giả Lý Tế Xuyên đã ghi chép: “Vua Lý Anh Tông, gặp thời hạn hán, sai Tĩnh Giới thiền sư làm lễ cầu mưa, thì được mưa, trời mát mẻ. Vua mừng lắm, nằm ngủ bỗng mộng thấy hai người đàn bà, mặt phù dung, mày dương liễu, áo xanh, váy đỏ, mũ đỏ, thắt đai, cưỡi ngựa sắt, theo mưa mà đến yết kiến. Vua lấy lạ bèn hỏi. Đáp rằng: “Chúng tôi là hai chị em họ Trưng, vâng lệnh Thượng đế làm ra mưa”. Vua tỉnh dậy cảm xúc bèn sắc cho sửa lại đền, sắm lễ vật để tế”⁽⁶⁾. Người dân làng Hát Môn vẫn khẳng định rằng năm nào cũng vậy, cứ đến ngày kỷ niệm 6/3 âm lịch, thế nào trời cũng có mưa. Mới đây, dịp tháng 8 - 2004, vì thời tiết nắng hạn kéo dài, dân làng Hát Môn cùng với nhà đền sắm lễ cầu đảo⁽⁷⁾ tại nhà tạm ngụ. Lễ cầu đảo làm đến lần thứ 3 thì trời có mưa. Toàn dân hả hê vì Hai Bà linh thiêng đã ban cho lời khẩn cầu của họ được linh ứng. Mặt khác, các lễ hội thờ Hai Bà tại bốn địa điểm trên đều có lễ rước nước để làm lễ mọc dục.

Thực chất của nghi thức này cũng như tiệc bánh trôi của làng Hát Môn, chính là nghi lễ của cư dân nông nghiệp, như sự khẳng định của cố GS Trần Quốc Vượng và tác giả Vũ Tuấn Sán: “Rõ ràng lễ rước nước tháng hai ở đền Đông Nhân cũng như tiệc bánh trôi tháng ba đền Hát Môn là sự ảnh xạ vào lịch sử những lễ nghi nông nghiệp cổ truyền từ trước thời đại Hai Bà Trưng... Sau pho tượng đá Hai Bà Trưng - anh hùng lịch sử, vẫn lung linh bóng dáng một vị nữ thần nông nghiệp”⁽⁸⁾.

Sự biến đổi của việc phụng thờ nhân vật lịch sử diễn ra với chính các nhân vật lịch sử. Trong các nhân vật lịch sử được phụng thờ, bộ ba Thi Sách - Trưng Trắc và Trưng Nhị được người dân đánh giá khác nhau. Không kể các vương triều Lý, Trần, các vương triều từ nhà Lê về sau đều là những vương triều trọng Nho giáo. Với những vương triều này, Thi Sách phải là nhân vật đáng kể. Việc coi trọng nhân vật lịch sử Thi Sách được thể hiện trong điện thần của di tích. Trong bản khai năm 1938 của làng Hạ Lôi, đền Hạ Lôi được gọi là đền Nhị vị Thánh tổ, thờ vợ chồng Trưng Trắc, Trưng Nhị được thờ ghép. Bản khai năm 1938 của dân làng theo yêu cầu kê khai của trường Viễn Đông bác cổ cho biết: “Trong hậu cung có hai tượng bằng đất luyện. Đến năm Gia Long thứ 11, dân mới thay tượng gỗ vào. Hai tượng gỗ ngồi bằng hàng ở bệ, trên ngai vàng. Tượng bà Trưng Trắc sơn son thếp vàng có đai mãng, trên đầu đội mũ vua, tay cầm hốt, chân đi hia Tàu. Tượng ông Thi Sách ngồi trên ngai sơn son thếp vàng, trên đầu đội mũ bình thiên, tay

cắm hốt, chân đi hia Tàu. Bệ dưới có một giá hương mặt đá thờ bà Trưng Nhị cũng có ngai sơn son thếp vàng làm tự đời nào không biết⁽⁹⁾. Tuy nhiên, không rõ từ bao giờ, có sự thay đổi trong cách nhìn nhận nhân vật lịch sử Thi Sách trong quan niệm của người dân Hạ Lôi. Hiện tại, trong quan niệm của người dân Hạ Lôi: nhân vật lịch sử Thi Sách không có một vị thế đáng kể, chỉ được thờ ghé vào, hiện còn một bát hương ở trung điện. Như vậy là, cảm hứng về nhân vật lịch sử đã khiến cho sự tôn trọng phụ nữ trong văn hóa Việt Nam thêm đậm nét. Khi đến thực hành tín ngưỡng tại đây, khách thập phương chỉ cầu xin Hai Bà phù hộ độ trì cho mong muốn và khát vọng của họ, cho dù họ biết hay không biết nhân vật lịch sử Thi Sách được thờ trong đền. Chính biểu hiện này là sự biến đổi của tín ngưỡng về nhân vật lịch sử. Theo thời gian, vị trí của nhân vật lịch sử Thi Sách trong tâm thức con người đã biến đổi. Nói cách khác, ý thức về lịch sử thời Hai Bà Trưng của con người đương đại đã có sự biến đổi. Cũng xin nói thêm, trong quy hoạch tu bổ tôn tạo đền Hai Bà ở Hạ Lôi sắp tới sẽ có thêm cụm quần thể: Nhà thờ tướng lĩnh của Hai Bà Trưng; nhà thờ phụ mẫu, thân mẫu của Hai Bà Trưng; Nhà thờ ông Thi Sách (chồng bà Trưng Trắc)...

Từ sự biến đổi trong quan niệm về vị trí, vai trò nhân vật lịch sử ấy, nhiều trò diễn của các lễ hội thờ Hai Bà có sự thay đổi trong không gian và thời gian. Nếu trước năm 1945, trình tự rước các kiệu của lễ hội làng Hạ Lôi là kiệu ông Thi Sách, kiệu bà Trưng Trắc, kiệu bà

Trưng Nhị thì hiện nay, trình tự các kiệu là kiệu bà Trưng Trắc, kiệu bà Trưng Nhị, kiệu dành cho 4 vị thành hoàng làng và kiệu của ông thánh Cốt Tung⁽¹⁰⁾.

Cũng cần thấy sự biến đổi của lời ca được trình diễn trong lễ hội làng Hạ Lôi. Nếu trước đây, trong lễ hội có trình diễn bài ca tương truyền có từ thời Hai Bà đặt ra để quân lính hát khi đồn trú trên núi thì trong thập kỷ ba mươi, bốn mươi của thế kỷ XX, tri phủ huyện Yên Lãng Nguyễn Khánh Trường đặt lời thành bài ca gọi là tấu nhà ca để ca ngợi Hai Bà rồi trình diễn trong lễ hội. Đáng lưu ý là cảm hứng ngợi ca nhân vật lịch sử đậm nét trong lời ca:

Vua bà đẹp giặc yên dân

Muôn màu đội đức xa gần nhớ công.

Trong niềm tin của người dân Hai Bà không chỉ là nhân vật lịch sử mà là nhân vật thiêng, phù hộ độ trì cho con người, có thể giải quyết được những ước vọng của con người, một nữ thần có quyền năng vô hạn. Trước hết, chính niềm tin tín ngưỡng này đã giữ sự thờ phụng Hai Bà ở Đồng Nhân được vững bền, trong khi những điều kiện kinh tế - xã hội của Đồng Nhân đã thay đổi. Từ làng Đồng Nhân châu ven sông Hồng (nay thuộc phường Bạch Đằng) và xóm Chùa, vốn là một xóm của Đồng Nhân châu đến phường Đồng Nhân hiện tại là sự biến đổi không chỉ về địa lý mà còn về thành phần dân cư. Nếu căn cứ vào bản khai năm 1938 của dân làng và cảnh quan hiện tại, chúng ta sẽ thấy sự khác biệt rất lớn. Từ những cư dân nông nghiệp sống bằng nghề trồng lúa nước,

và có thể chút ít nào đó với nghề chài lưới trên sông Hồng, quá trình đô thị hóa, cùng với sự chuyển dịch dân cư cơ học khiến cho cư dân Đồng Nhân hôm nay là những thị dân. Khảo sát 8 trường hợp đến lễ tại đền Đồng Nhân vào ngày 14 tháng 8 năm 2005, từ cán bộ văn hóa phường đến cán bộ ban quản lý di tích đền Đồng Nhân, từ một sinh viên ngành kinh tế đến một cán bộ hưu, từ một người bán hàng ở Chợ Trời đến một người bán hàng trong sân đền, với câu hỏi: “Ông/bà (anh/chi) mong muốn điều gì khi đến lễ ở đền Đồng Nhân?”, chúng tôi đều nhận được câu trả lời: cầu tài lộc, sức khỏe, cầu mong may mắn trong học hành. Đồng thời, ở các làng mà chủ thể thờ cúng không thay đổi như Hạ Lôi, Phụng Công và Hát Môn, vẫn là những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, người dân vẫn có mong muốn cầu tài lộc, sức khỏe, học hành tấn tới, công việc hanh thông.

Cũng chính vì có ý thức coi Hai Bà là nhân vật thiêng có quyền năng vô hạn mà tại lễ hội làng Đồng Nhân, làng Phụng Công và làng Hát Môn, còn có việc tham gia của nhà chùa tổ chức cúng đàn bá thí mông sơn, lễ khao chúng sinh với một bài văn tế cháo mang dáng dấp như bài Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du thuở nào⁽¹¹⁾.

Như vậy, tự hào về nhân vật lịch sử Trưng Trắc, Trưng Nhị, tôn vinh lịch sử dân tộc, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn là cảm hứng thường trực, chủ đạo nhưng dường như chỉ trong dịp lễ hội, với sự tham gia của toàn thể cộng đồng thì hai nhân vật lịch sử này, vị thần

được tôn thờ trong các di tích mới hiện lên vóc dáng lịch sử của chính họ, còn trong những dịp khác trong năm (sóc, vọng, ngày thường), thực chất, người dân đến với các nhân vật lịch sử Trưng Trắc, Trưng Nhị như là đến với một vị thánh, một phúc thần để cầu tài lộc, sức khỏe, may mắn và cầu xin Hai Bà phù hộ cho những ước mong nhất thời, cần kíp ngay trong cuộc sống. Chính nét tâm lý ấy là sự biến đổi của việc phụng thờ các nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng. Và chính nét tâm lý ấy khiến những thị dân ở phường Đồng Nhân, dù không còn là nông dân, dù đã thay đổi phương thức sinh sống vẫn thờ phụng Hai Bà Trưng. Đương nhiên, niềm tự hào về nhân vật lịch sử, đạo lý uống nước nhớ nguồn là bệ đỡ tâm lý cho việc phụng thờ này.

4. Thử nêu một vài nhận xét

- Hai Bà Trưng là các nhân vật lịch sử đặc biệt. Sự phụng thờ các nhân vật lịch sử luôn phát triển giữa hai lực: thái độ của người dân và thái độ của các vương triều. Các vương triều bằng mọi hành động của mình đều đẩy nhân vật về phía lịch sử. Quá trình lịch sử hóa, huyền thoại hóa, địa phương hóa đã làm cho nhân vật lịch sử được phụng thờ hằn sâu vào tâm thức người Việt Nam. Người dân vừa thờ Hai Bà như những nhân vật lịch sử, nhưng cũng thờ cúng Hai Bà như một nữ thần nông nghiệp, một phúc thần có khả năng phù hộ độ trì cho họ có một cuộc sống an khang thịnh vượng, quốc gia thái bình.

- Tín ngưỡng thờ nhân vật lịch sử Hai Bà Trưng có sự đan xen của các tín ngưỡng khác như tín ngưỡng cầu mưa, thờ thành hoàng, thờ Phật, thờ mẫu v.v ..., chính đó là sự biến đổi của một tín ngưỡng.

CHÚ THÍCH

1. *Lịch sử Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1971), Nxb KHXH, Hà Nội, tr 81.
2. *Lịch sử Việt Nam*, Sách đã dẫn, tr 84.
3. *Việc phụng thờ Hai Bà Trưng ở Hạ Lôi, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc*, Phạm Lan Oanh (2000), luận văn thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian, Hà Nội.
4. *Thần, người và đất Việt*, Tạ Chí Đại Trường (1989), Văn nghệ xb, California, USA, tái bản (2000), Văn học, California, USA, tr 71, 72.
5. *Tín ngưỡng Hai Bà Trưng ở làng Hát Môn*, Nguyễn Thị Trung, (2000) luận văn thạc sĩ, ĐHVH, bản vi tính, phụ lục tr 12.
6. *Việt điện u linh*, Trịnh Đình Rư dịch, Đinh Gia Khánh (1972) hiệu đính, nxb Văn học, tái bản có sửa chữa và bổ sung, Hà Nội, tr 48, 49.
7. Lễ cầu đảo có văn tế riêng. Lễ vật đơn giản chỉ gồm trầu cau, rượu, nước, hương hoa, tiền vàng.
8. *Hà Nội nghìn xưa*, Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán (1975) Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Hà Nội, tr 100.
9. Bản khai năm 1938 của làng Hạ Lôi, Thư viện Viện Thông tin Khoa học Xã hội.
10. Phạm Lan Oanh (2000), tài liệu đã dẫn, tr 61-63.
11. Nguyễn Thị Trung (2000), tài liệu đã dẫn, phụ lục 8, tr 24-28.